

# "ĐIỂM TRUY CẬP" TỪ GÓC NHÌN KHÁI QUÁT HOÁ

Trần Đức Hoà<sup>\*</sup>

## 1. Góc nhìn khái quát hoá trong khoa học thư viện

Ngày nay, khái niệm về thư viện và những yếu tố cấu thành thư viện đang trở nên rất khác so với chính chúng trong thế kỷ XX. Nếu như trước đây, chúng ta đều hình dung về thư viện như là nơi tàng trữ và sử dụng sách, đồng thời kèm theo đó là 4 yếu tố cấu thành nên thư viện: sách - người đọc - phòng ốc, bàn ghế, trang thiết bị - thủ thư - theo đúng nghĩa đen của nó thì nay, tất cả những hình ảnh cụ thể đó đã trở nên hạn hẹp khi nhắc đến thư viện.

### *Tài liệu:*

"Sách", hay tài liệu thư viện, không còn bị giới hạn trong những hình thức thông thường của vật mang tin vật lý và ngày càng chứng tỏ những khả năng đa dạng trong lưu trữ cũng như chuyển tải thông tin. Đặc biệt, sự xuất hiện và bùng nổ của tài liệu điện tử và tài nguyên web khiến cho khái niệm này trở nên vô cùng rộng lớn và phức tạp. Giờ đây, chúng ta cần hiểu về tài liệu thư viện như là mọi thông tin được mã hoá trên một dạng vật mang tin bất kỳ. Điều đó đồng nghĩa với việc liệt kê vào khái niệm này cả những tác phẩm nghệ thuật dưới mọi hình thức hay những dạng thông tin mã hoá khác. Đây chính là cơ sở để hình

---

<sup>\*</sup> Giảng viên Khoa TT-TV, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN.

thành nên một hệ thống khái niệm rất mới về yếu tố cấu thành cơ bản này của thư viện (mà chúng ta thường xuyên được nghe nhắc tới gần đây khi nói về "Yêu cầu chức năng cho biểu ghi thư mục" FRBR hoặc "Quy tắc truy cập và mô tả tài nguyên" RDA) bao gồm: thực thể, thực thể nhóm 1, tác phẩm, biểu hiện, biểu thị và tài liệu.

### *Người dùng tin:*

Người đọc, hay người dùng tin của thư viện ngày nay được hiểu như là khách hàng của hoạt động thông tin thư viện. Chủ thể của hoạt động tìm kiếm và khai thác tài liệu thực chất cũng chính là chủ thể của mọi loại hình hoạt động và phát triển của thế giới con người (điều này là hiển nhiên), vì vậy mà đối tượng, hay yếu tố này có tốc độ biến thiên "chóng mặt". Xét đến cùng, con người tìm cách thoả mãn nhu cầu tin của mình là để thực hiện những mục tiêu xa hơn trong cuộc sống, vì vậy mà cùng với sự phát triển vũ bão của công nghệ, đời sống, nhu cầu tin cũng trở nên phức tạp và đa dạng hơn rất nhiều.

- Họ (người dùng tin) có yêu cầu tìm kiếm cao hơn, với sự kết hợp của nhiều đòi hỏi hơn, kết quả tìm tin mà họ mong muốn cần có khả năng liên kết, kết nối, mở rộng lớn hơn.

- Bên cạnh đó, các hình thức người dùng tin cũng đa dạng hơn, không đơn thuần chỉ là những cá thể tìm đến thư viện với mục đích riêng biệt mà còn có những người dùng tin tập thể với những "gói nhu cầu" khác biệt.

- Và quan trọng nhất, cùng với sự ra đời của thư viện số/ thư viện điện tử, người dùng tin dường như trở thành một khái niệm trừu tượng mà các thư viện chỉ cần nắm bắt từ xa.

Nói cách khác, giờ đây, người dùng tin thư viện phải được hiểu là những đối tượng trả phí để được khai thác, sử dụng tài liệu của thư viện dưới hình thức bất kỳ để đạt hiệu quả mong muốn.

### ***Cơ sở vật chất:***

Có thể nói đây là yếu tố dường như “thay đổi” rõ rệt nhất trong số các yếu tố cấu thành thư viện. Sở dĩ có điều này là vì 3 lý do:

Các yếu tố vật chất hao mòn rõ rệt qua thời gian và buộc phải được thay thế bởi những vật chất mới.

Hạ tầng, công nghệ nói chung đang phát triển mau chóng từng ngày, đặc biệt là các sản phẩm công nghệ. Các sản phẩm này có thể là lựa chọn hàng đầu khi vừa ra đời nhưng rồi ngay lập tức bị thay thế và trở nên lỗi thời trong một thời gian ngắn.

Quan trọng hơn, những biến đổi trong tư duy khái niệm về thư viện khiến cho giờ đây những toà nhà, những bức tường, những bộ bàn ghế có thể sẽ không còn được quan tâm quá nhiều nữa. Mạng toàn cầu, điện toán đám mây, thư viện số đang dẫn con người đến gần khái niệm thư viện ảo/ thư viện không tương. Điều đó cũng có nghĩa là cơ sở vật chất cần được hiểu là những trang thiết bị giúp tạo lập và vận hành thư viện theo hình thức bất kỳ.

### ***Cán bộ thư viện***

Dĩ nhiên, trong vai trò là người điều phối và thực hiện mọi hoạt động thông tin thư viện, cán bộ thư viện phải thay đổi để theo kịp tất cả những thay đổi nói trên. Nhưng quan trọng hơn, ở đây cần nhắc đến sự thay đổi mang tính khách quan, được quy định bởi quy luật vận động và phát triển chung, chứ không phải những nỗ lực cá nhân để hoàn thiện mình của người cán bộ. Nói cách khác, đã đến lúc chúng ta cởi lớp áo bó hẹp người cán bộ trong những quan niệm xưa cũ về người trông coi và cho mượn sách, thay vào đó là quan niệm mới về một khái niệm bao gồm trong đó nhà quản lý, nhà giáo dục, nhà cung cấp thông tin có định hướng.

Tóm lại, nếu xem xét một cách tổng quát toàn bộ những khái niệm rất khác này, chúng ta có thể khẳng định rằng thực chất thư

viện và những yếu tố cấu thành... không hề thay đổi, cái đang thay đổi là nhận thức của chúng ta về những vấn đề này mà thôi. Thực tế là chúng ta đang ngày một khái quát hoá, trừu tượng hoá những đối tượng này nhờ nắm được ngày một nhiều những dạng thức mới của chúng (dĩ nhiên đây là thành quả của sự phát triển khoa học, kỹ thuật, công nghệ, và bản chất của khoa học là tìm ra những cái chưa biết, chứ không phải tạo ra những cái không có). Đây có thể coi là xu hướng tất yếu trong mọi hoạt động của con người, nó gắn liền với quá trình mà con người tiếp cận với những hiểu biết cao nhất: chân lý.

Vì vậy, mối quan hệ bản chất làm nên sự tồn tại của thư viện cũng không hề thay đổi, đó là mối quan hệ giữa tài liệu và người dùng tin. Mấu chốt của hoạt động thông tin thư viện vẫn là giải quyết nhu cầu tin bằng cách giúp người dùng tin tiếp cận nhanh nhất, chính xác nhất với tài liệu. Nếu nói rằng mối quan hệ tài liệu - người dùng tin là trọng tâm trong hoạt động thông tin thư viện, thì cũng cần thừa nhận rằng, điểm truy cập chính là chìa khoá để giải quyết toàn bộ vấn đề này.

## 2. Điểm truy cập - khái niệm cần làm mới

Các thư viện và cơ quan thông tin luôn không ngừng cải thiện năng lực đáp ứng nhu cầu của người dùng tin hay khách hàng, đó thực chất là nỗ lực cung cấp các dịch vụ cùng với những cơ sở dữ liệu và ứng dụng hệ thống đến người dùng tin một cách tốt nhất. Cơ sở dữ liệu là một bộ sưu tập các biểu ghi hay các đơn vị thông tin, thường được lưu trữ trong một hệ thống máy tính; nó có thể bao gồm một hoặc nhiều file (Hunter and Backweel, 1983, p.XIV). Nó sẽ trở nên có giá trị nếu các điểm truy cập được cung cấp.

### *Vậy điểm truy cập là gì?*

Các vấn đề về điểm truy cập hầu hết đã được nghiên cứu và tổng kết, tuy nhiên, do đặc thù của các loại điểm truy cập rất khác nhau nên không có nhiều nghiên cứu nhìn nhận "điểm truy cập"

như một đối tượng nghiên cứu đầy đủ mà chỉ tập trung vào một loại hình nhất định nào đó.

Từ trước đến nay, chúng ta vốn chỉ quen với những khái niệm như “tiêu đề đề mục”, “tiêu đề mô tả”, “dẫn từ”, “chỉ mục”. Đây đều là những khái niệm thể hiện những yếu tố thông tin đặc biệt được trích xuất từ bản thân tài liệu thư viện có khả năng giúp cho người dùng tin định vị và tìm đến được tài liệu đó. Các khái niệm này - tạm gọi là các yếu tố nhận diện tài liệu, thường xuất hiện tản mạn do có những đặc tính riêng tương đối rõ nét:

“Tiêu đề đề mục” hay trước đây là “đề mục chủ đề” hoặc “tiêu đề chủ đề” là khái niệm chỉ bao hàm yếu tố nội dung của tài liệu.

“Chỉ mục” - khái niệm thường đi kèm với một thao tác kỹ thuật định chỉ mục (indexing), thậm chí chưa được làm rõ nghĩa hoàn toàn, thường ám chỉ việc tạo ra các yếu tố nhận diện về mặt nội dung, nhưng đôi khi lại bao hàm cả các yếu tố về mặt hình thức.

“Tiêu đề mô tả” là khái niệm gắn liền với hình ảnh phiếu mô tả thư mục và được mặc định là các yếu tố về mặt hình thức của tài liệu (tác giả, nhan đề).

Khái niệm “Dẫn từ” có phần bao quát hơn nhưng thực tế lại không được sử dụng một cách phổ biến. Bên cạnh đó, trong khái niệm này lại có sự phân chia nhỏ hơn và còn gây nhiều tranh cãi dẫn từ chính/dẫn từ phụ.

Thậm chí, việc nhận diện tài liệu và truy cập đến tài liệu đó khi cũng được phân biệt, tách bạch và được cho là có sự thay đổi lẫn nhau trong xu thế phát triển của thời đại (theo Jenifer Bowe (?) - Jonathan Rochkind, “Access point” as Identifiers, 2007).

Gần đây, trên thế giới, người ta đã bắt đầu sử dụng thuật ngữ “yếu tố nhận diện tài liệu” (Textual Identifiers/Work Identifiers) theo Matha Yee - tài liệu đã dẫn) để nói về tất cả những khái niệm trên. Hệ thống kiểm soát các đề mục, dẫn từ truyền thống cũ

chúng ta thực chất chính là một hệ thống các yếu tố nhận diện. Đề mục truyền thống được hiểu là việc nhận diện một cách độc nhất và đơn nghĩa một thực thể thư mục - trong yêu cầu của FRBR, một thực thể FRBR ở dạng nào đó (Tác phẩm, biểu hiện, biểu thị, tài liệu, cá nhân, cơ quan, chủ đề,...). Việc cấu trúc đề mục thực ra là việc cấu trúc yếu tố nhận diện cho một trong những thực thể đó. Như vậy, nhận diện và truy cập hay định vị tài liệu phải là cùng một quá trình, cùng một vấn đề.

Theo cách hiểu của Nguyên tắc biên mục quốc tế 2009 thì điểm truy cập là những hình thức có kiểm soát hoặc những hình thức khác của tên cho những thực thể là cá nhân, dòng họ, tập thể, tác phẩm, biểu hiện, biểu thị, tài liệu, khái niệm, đối tượng, sự kiện, và địa điểm. Những hình thức có kiểm soát và những hình thức khác này được đưa vào biểu ghi kiểm soát nhất quán và cùng lúc vừa là điểm truy cập trong biểu ghi thư mục, vừa tạo ra mối liên hệ phục vụ cho truy cập bổ sung. Tuyên bố này thay thế và mở rộng phạm vi của Nguyên tắc Paris ("Tuyên bố về Nguyên tắc" được thông qua tại Hội nghị Quốc tế về Nguyên tắc Biên mục năm 1961) từ việc chỉ áp dụng cho các tác phẩm văn bản sang cho mọi dạng tài liệu và từ việc chỉ liên quan đến lựa chọn và hình thức của phiếu thư mục sang mọi khía cạnh của dữ liệu thư mục và dữ liệu kiểm soát nhất quán được sử dụng trong các mục lục thư viện.

Quan niệm trước đây về hai loại điểm truy cập chính và phụ cũng cần phải thay đổi. Trên thực tế, đó không phải là những "loại" điểm truy cập khác nhau mà là những cách dùng khác nhau của cùng một đối tượng, hay nói cách khác là hai nhiệm vụ liên quan đến điểm truy cập mà cán bộ biên mục cần giải quyết khi tạo lập biểu ghi:

- Tạo lập các yếu tố nhận diện cho những thực thể mới. Việc này đương nhiên bao gồm cả tạo lập yếu tố nhận diện cho những biểu ghi đã từng được biên mục (nếu như đây là một biểu thị).

Cách sử dụng hay nhiệm vụ này tạm coi là tương đương với khái niệm “dẫn từ/ điểm truy cập chính”.

- Liên hệ các yếu tố nhận diện của những thực thể khác trong biểu ghi đến thực thể đang được biên mục, nhằm tạo lập những mối quan hệ. Những yếu tố nhận diện của những thực thể khác có thể đã tồn tại từ trước thời điểm biên mục, hoặc có thể được tạo lập - nhằm cho phép việc liên hệ với chúng để mã hoá mối quan hệ. Các yếu tố này rất gần với “dẫn từ/ điểm truy cập phụ” - chúng ta sẽ hiểu dẫn từ/ điểm truy cập phụ như một cách sử dụng yếu tố nhận dạng của những thực thể khác nhằm tạo lập mối quan hệ giữa thực thể hiện có với các thực thể kia.

Hai nhiệm vụ/ cách dùng này đôi khi không tách biệt hoàn toàn sử dụng yếu tố nhận diện cá nhân như một phần của việc cấu trúc (tạo lập) yếu tố nhận diện tác phẩm (và/ hoặc biểu thị), và sử dụng yếu tố nhận diện cá nhân một cách độc lập để ghi lại một mối quan hệ (tham chiếu đến mối quan hệ biểu ghi). Ví dụ, cần hiểu rõ rằng dẫn từ/ điểm truy cập chính về tác giả thực sự bao gồm yếu tố nhận diện cho cả tác giả và nhan đề, không chỉ là tác giả. (đây chính là sự khác biệt giữa khái niệm “dẫn từ chính” trước đây vốn chỉ phù hợp với môi trường biên mục giới hạn, và khái niệm “yếu tố nhận diện” phù hợp hơn với kỷ nguyên số). Rõ ràng là trường hợp 100 MARC trong biên mục hiện đại, thực ra phục vụ cho ít nhất HAI mục tiêu: nó là một thành phần của yếu tố nhận diện văn bản tạo lập cho biểu thị hiện có (cái được mô tả bởi biểu ghi thư mục). Và, nó liên hệ yếu tố nhận diện của thực thể Cá nhân, để mô tả mối quan hệ giữa biểu thị hiện có và cá nhân đó.

Đây cũng chính là mục tiêu mà chúng ta cần hướng tới khi tập trung duy về khái niệm “điểm truy cập”: mở rộng phạm vi đối tượng và hình thức của các yếu tố nhận diện tài liệu, khái quát hoá để có được cái nhìn toàn diện về vấn đề. Điều này hết sức quan trọng với cách nhìn này cho phép chúng ta:

- Thống nhất nhiều khái niệm từ trước đến nay còn nằm tản mạn, bị cô lập với nhau trong quá trình nghiên cứu.

- Qua đó, những nghiên cứu tiếp theo có thể đi sâu vào một hệ thống lý thuyết mới mà không mới: tìm hiểu bản chất, đặc điểm, quy luật của điểm truy cập nói chung.

- Rút ra được những giải pháp tổng thể cho phương thức tạo lập và tổ chức đối tượng này.

### Kết luận

Như đã nói trên, khái quát hoá, hay trừu tượng hoá đối tượng nghiên cứu là xu hướng tất yếu khi con người tiến gần đến chân lý. Nghiên cứu về điểm truy cập, hay yếu tố nhận diện tài liệu, hay các đề mục, dẫn từ như chúng ta vẫn quen gọi, cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Có một tác giả nào đó đã nhận định: người Việt Nam vốn rất thông minh, nhanh nhạy nhưng lại thiếu tư duy khái quát, tổng hợp, vì thế mà ở Việt Nam có không nhiều những nhà tư tưởng lớn. Đây có thể chỉ là một nhận định cảm tính, cũng có thể đã phản ánh được phần nào thực tế tính cách của người Việt Nam trong tư duy, tuy nhiên, nhận định này cho thấy tầm quan trọng của tư duy khái quát trong nghiên cứu khoa học nói chung, trong ngành khoa học của chúng ta nói riêng. Hội nhập với quốc tế, chúng ta hãy bắt đầu bằng cách hội nhập tư duy.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyên tắc biên mục quốc tế 2009 (International Cataloging Principles).
2. Cao Minh Kiểm, "Giới thiệu một số khái niệm mới trong biên mục hiện đại", Tạp chí *Thư viện Việt Nam*, số 3, 5/2010, tr.13.
3. Jonathan Rochkind, "Access point" as Identifiers, 2007.